

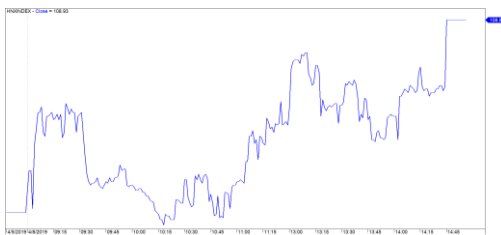
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	997.56	108.93	56.76
% ngày	0.84%	0.98%	-0.30%
% tuần	0.91%	1.12%	-0.89%
% tháng	1.25%	0.66%	1.47%
% năm	-16.87%	-21.08%	-6.40%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,310	646	256
TB 1 tuần	3,867	495	290
TB 1 tháng	4,483	578	341
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	516.39	50.28	17.02
Bán	371.90	11.43	20.08
Giá trị ròng	144.49	38.84	-3.05
Độ rộng TT			
Mã Tăng	148	89	153
Mã Giảm	127	87	110
Không Đổi	110	206	592
Chỉ số chính			
P/E	16.86	10.24	17.28
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,247	206	999
LS Cổ tức	2.96%	4.32%	5.04%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán châu Á giao dịch phân hoá trong hôm nay. Các chỉ số Taiwan, HangSeng, KOSPI sau 1 phiên giằng co quang vùng tham chiếu thì kết thúc phiên đã tăng điểm. Chiều ngược lại, các chỉ số Nikkei 225, STI Index lại giảm lần lượt là 0.21% và 0.24%.

Thị trường Việt Nam đã có 1 phiên giao dịch khởi sắc và tích cực hơn vào cuối phiên trước thông tin S&P nâng hạng tín dụng. Chỉ số VN-Index tăng 0.84% lên 997.56 điểm, chỉ số HNX-Index tăng 0.98% lên 108.93 điểm. Trong khi đó, chỉ số UPCOM-Index giảm nhẹ 0.29% xuống 56.76 điểm. Giá trị giao dịch cả 3 sàn đạt hơn 4,300 tỷ đồng.

Nhóm dầu khí dẫn đầu thị trường hôm nay và hỗ trợ rất lớn vào đà tăng của các chỉ số. Cụ thể, PVD tăng 2.3% và PVS tăng 2.2% và GAS tăng 1.6%. Ngoài ra, lực kéo mạnh vào phiên ATC này còn có sự tham gia của nhóm cổ phiếu Largecap và Midcap như VNM, PNJ, VCB, VHM, BMP, CMG, AAA.

Khối ngoại trở lại mua ròng hơn 180 tỷ đồng sau 3 phiên bán ròng liên tiếp. Theo đó, trên sàn HSX, khối ngoại tập trung dòng tiền vào MSN, VCB, PLX, VNM, PVD, GAS cùng một số mã bất động sản và PVS, TIG, VCS, BCC, PVB trên sàn HNX. VEA là cổ phiếu giảm điểm nhiều nhất trên sàn UPCOM sau khi bị khối ngoại bán ròng gần 1,5 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định mức 1,010 – 1,015 điểm. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn có chiều hướng giảm dần và dòng tiền ngắn hạn đã cải thiện đáng kể, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền đã có dấu hiệu quay trở lại nhóm cổ phiếu Largecaps, điều này cho thấy xu hướng có dấu hiệu tích cực hơn khi đồ thị giá đang tiệm cận gần ngưỡng kháng cự tâm lý 1,000 điểm của chỉ số VN-Index. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng về gần mức 50% cho thấy cơ hội giải ngân tiếp tục tăng dần.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index từ GIẢM lên TĂNG và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 109.55 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 47% cổ phiếu/53% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18,900	TĂNG	TĂNG	16,850	16,724	12.17%		16,850	14,431	12.17%	
ACB	30,800	GIẢM	GIẢM		31,077				33,291		
ACV	83,700	GIẢM	TĂNG		85,442			90,000	79,578	-7.00%	
ANV	26,450	TĂNG	GIẢM	26,700	25,224	-0.94%			29,840		
ASM	7,700	TĂNG	GIẢM	7,880	7,383	-2.28%			8,747		
BFC	25,350	TĂNG	TĂNG	25,350	25,253	0.00%	MUA	25,000	24,499	1.40%	MUA
BID	35,500	GIẢM	TĂNG		36,461			33,400	31,227	6.29%	
BMP	49,900	GIẢM	GIẢM		51,100				54,542		
BSR	13,300	GIẢM	GIẢM		13,449				14,995		
BVH	94,100	GIẢM	TĂNG		97,418			86,000	88,082	9.42%	
BWE	26,400	GIẢM	TĂNG		27,498			20,000	24,073	32.00%	
CEO	12,400	GIẢM	GIẢM		12,687				14,198		
CII	24,650	TĂNG	GIẢM	24,550	23,881	0.41%			25,832		
CMX	22,200	TĂNG	TĂNG	17,600	20,916	26.14%		5,910	17,466	275.63%	
CSM	15,500	GIẢM	TĂNG		15,766			14,390	14,225	7.71%	
CTD	140,700	TĂNG	GIẢM	141,100	138,354	-0.28%			152,115		
CTG	22,300	GIẢM	TĂNG		22,852			22,700	19,639	-1.76%	
CTI	25,500	TĂNG	TĂNG	25,900	24,381	-1.54%		26,850	23,186	-5.03%	
CTR	26,200	GIẢM	N/A		27,545				3,703		
CVT	24,900	TĂNG	TĂNG	25,050	24,012	-0.60%		22,550	21,648	10.42%	
DCM	9,050	GIẢM	GIẢM		9,312				9,932		
DGC	40,300	GIẢM	GIẢM		42,948				47,020		
DGW	22,900	GIẢM	GIẢM		23,006				25,127		
DHA	34,500	TĂNG	TĂNG	32,250	33,501	6.98%		29,100	30,150	18.56%	
DHC	36,100	TĂNG	TĂNG	32,700	34,023	10.40%		35,200	30,478	2.56%	
DHG	118,400	TĂNG	TĂNG	77,500	116,547	52.77%		93,000	107,896	27.31%	
DIG	15,300	GIẢM	TĂNG		15,833			16,250	14,410	-5.85%	
DPG	60,900	TĂNG	TĂNG	46,800	57,692	30.13%		60,500	51,080	0.66%	
DPM	18,950	GIẢM	GIẢM		19,392				21,889		
DPR	39,400	TĂNG	GIẢM	40,000	37,309	-1.50%			41,574		
DQC	26,150	GIẢM	TĂNG		27,103			31,000	24,753	-15.65%	
DRC	21,750	GIẢM	TĂNG		22,897			24,400	20,884	-10.86%	
DXG	23,150	TĂNG	GIẢM	23,300	21,837	-0.64%			25,424		
EIB	17,600	TĂNG	TĂNG	17,800	16,743	-1.12%		14,700	16,280	19.73%	
FCN	15,900	TĂNG	TĂNG	16,050	14,825	-0.93%		16,050	15,658	-0.93%	MUA
FMC	28,500	TĂNG	GIẢM	29,000	27,609	-1.72%			30,886		
FPT	47,800	TĂNG	TĂNG	46,000	46,331	3.91%		46,000	42,287	3.91%	
GAS	107,000	TĂNG	TĂNG	103,800	97,871	3.08%		101,000	89,867	5.94%	
GEX	23,700	TĂNG	TĂNG	23,800	22,687	-0.42%		24,700	21,615	-4.05%	
GIL	39,300	GIẢM	TĂNG		39,563			39,000	35,350	0.77%	

We Create Fortune

GMD	26,700	GIẢM	GIẢM		27,317			29,123		
GTN	16,700	GIẢM	TĂNG		18,012		15,000	16,369	11.33%	
HAG	5,520	GIẢM	TĂNG		5,790		5,650	5,152	-2.30%	
HAX	17,250	GIẢM	GIẢM		17,553			17,965		
HBC	19,500	TĂNG	TĂNG	19,800	18,452	-1.52%	20,250	17,300	-3.70%	
HCM	28,200	GIẢM	TĂNG		29,374		28,000	25,486	0.71%	
HDB	28,900	GIẢM	GIẢM		29,680			33,267		
HDC	17,400	TĂNG	TĂNG	15,300	16,396	13.73%	16,000	14,808	8.75%	
HDG	43,550	TĂNG	TĂNG	43,550	43,491	0.00%	MUA	37,400	38,042	16.44%
HNG	15,150	GIẢM	GIẢM		16,050			16,554		
HPG	32,400	GIẢM	TĂNG		33,218		33,900	29,668	-4.42%	
HSG	9,180	GIẢM	TĂNG		9,856		9,300	7,576	-1.29%	
HT1	16,200	TĂNG	TĂNG	16,150	15,241	0.31%	14,800	14,082	9.46%	
HUT	3,900	GIẢM	GIẢM		4,254			4,302		
HVN	41,100	TĂNG	TĂNG	42,900	40,457	-4.20%	39,000	36,722	5.38%	
KBC	15,100	TĂNG	TĂNG	15,100	14,452	0.00%	13,450	13,730	12.27%	
KDH	32,200	TĂNG	TĂNG	32,100	31,342	0.31%	33,000	28,763	-2.42%	
KSB	27,400	TĂNG	TĂNG	27,950	25,928	-1.97%	28,900	25,850	-5.19%	
LCG	12,000	TĂNG	TĂNG	11,950	11,150	0.42%	9,200	9,496	30.43%	
LDG	13,350	GIẢM	GIẢM		14,123			16,036		
LHG	20,900	GIẢM	TĂNG		21,001		22,250	19,187	-6.07%	
LPB	9,100	GIẢM	GIẢM		9,384			9,825		
LSS	6,180	GIẢM	GIẢM		6,369			6,858		
MBB	22,350	GIẢM	TĂNG		22,532		21,850	20,016	2.29%	
MPC	46,300	TĂNG	TĂNG	47,800	43,027	-3.14%	47,500	37,431	-2.53%	
MSN	88,300	TĂNG	TĂNG	88,000	84,749	0.34%	89,000	80,017	-0.79%	
MSR	21,000	GIẢM	TĂNG		21,456		21,100	18,463	-0.47%	
MWG	84,000	GIẢM	GIẢM		85,926			92,376		
NDN	14,300	TĂNG	TĂNG	14,300	13,949	0.00%	MUA	13,700	11,838	4.38%
NKG	7,620	TĂNG	GIẢM	7,790	7,570	-2.18%		7,821		
NLG	28,900	TĂNG	TĂNG	27,650	26,716	4.52%	28,700	28,488	0.70%	MUA
NT2	27,200	GIẢM	TĂNG		28,270		25,900	26,915	5.02%	
NTL	20,400	TĂNG	TĂNG	19,500	19,020	4.62%	10,450	16,285	95.22%	
NVL	57,100	GIẢM	GIẢM		58,392			63,633		
OIL	14,000	GIẢM	GIẢM		14,191			15,525		
PAC	38,400	TĂNG	GIẢM	38,000	37,250	1.05%		40,367		
PC1	23,950	GIẢM	GIẢM		24,457			25,195		
PDR	29,600	TĂNG	TĂNG	28,800	27,767	2.78%	29,000	25,668	2.07%	
PHR	52,300	GIẢM	TĂNG		53,398		24,000	46,883	117.92%	
PLX	62,600	TĂNG	TĂNG	61,400	58,421	1.95%	62,400	54,459	0.32%	
PNJ	101,300	GIẢM	TĂNG		102,842		104,000	91,930	-2.60%	
POW	15,550	GIẢM	TĂNG		15,960		16,550	14,933	-6.04%	
PPC	25,400	GIẢM	TĂNG		26,171		19,700	22,407	28.93%	
PTB	66,100	TĂNG	TĂNG	66,100	64,625	0.00%	MUA	64,000	57,355	3.28%
PVB	21,500	TĂNG	TĂNG	21,000	19,137	2.38%	20,100	16,139	6.97%	
PVD	20,300	TĂNG	TĂNG	18,400	18,210	10.33%	18,500	15,657	9.73%	

We Create Fortune

PVI	39,800	TĂNG	TĂNG	32,900	37,505	20.97%		33,000	32,990	20.61%	
PVS	23,500	TĂNG	TĂNG	22,000	20,778	6.82%		21,100	18,765	11.37%	
PXS	5,180	TĂNG	TĂNG	4,800	4,587	7.92%		4,850	4,840	6.80%	MUA
QNS	41,800	GIẢM	TĂNG		42,854			41,500	3,543	0.72%	
REE	32,550	GIẢM	TĂNG		32,860			35,100	31,114	-7.26%	
SAB	249,400	TĂNG	TĂNG	252,000	242,205	-1.03%		245,000	227,704	1.80%	
SAM	7,650	TĂNG	TĂNG	7,090	7,418	7.90%		7,400	6,937	3.38%	
SCR	7,380	GIẢM	GIẢM		7,495				8,122		
SHI	8,300	TĂNG	TĂNG	8,370	7,731	-0.84%		6,990	6,929	18.74%	
SJS	23,750	TĂNG	TĂNG	18,800	22,390	26.33%		18,100	20,133	31.22%	
SKG	14,700	GIẢM	GIẢM		15,335				16,926		
SSI	27,800	GIẢM	TĂNG		28,066			29,500	26,024	-5.76%	
STB	12,250	GIẢM	TĂNG		12,670			13,000	11,486	-5.77%	
TCB	25,250	GIẢM	GIẢM		26,161				N/A		
TCM	32,100	TĂNG	TĂNG	31,850	29,582	0.78%		28,000	28,136	14.64%	
TDH	11,400	GIẢM	TĂNG		11,482			11,650	10,730	-2.15%	
TLH	5,570	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	11.40%			5,686		
TNG	22,900	GIẢM	TĂNG		23,773			12,000	19,317	90.83%	
VCB	69,700	TĂNG	TĂNG	64,800	65,741	7.56%		62,000	61,041	12.42%	
VCG	27,200	GIẢM	TĂNG		28,011			19,200	23,906	41.67%	
VGC	19,600	GIẢM	TĂNG		21,469			19,100	18,932	2.62%	
VGT	12,500	TĂNG	GIẢM	11,600	12,444	7.76%			13,091		
VHC	89,500	GIẢM	GIẢM		91,629				101,528		
VHM	94,600	TĂNG	TĂNG	94,600	94,182	0.00%	MUA	80,000	81,007	18.25%	
VIB	19,500	GIẢM	TĂNG		19,580			19,700	17,325	-1.02%	
VIC	115,500	GIẢM	TĂNG		118,788			112,000	108,251	3.13%	
VIP	6,450	GIẢM	TĂNG		6,702			7,350	6,276	-12.24%	
VJC	110,500	GIẢM	GIẢM		116,516				128,646		
VND	16,850	GIẢM	GIẢM		17,330				18,694		
VNG	22,900	GIẢM	TĂNG		24,117			16,008	22,233	43.06%	
VNM	137,200	GIẢM	TĂNG		139,939			140,200	132,859	-2.14%	
VPB	19,850	GIẢM	GIẢM		20,879				22,887		
VPI	40,600	GIẢM	GIẢM		41,416				43,124		
VRC	16,950	GIẢM	GIẢM		17,303				19,095		
VRE	35,800	TĂNG	TĂNG	36,100	33,740	-0.83%		35,000	31,679	2.29%	
VSC	40,850	GIẢM	GIẢM		42,335				45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	997.56	0.84%
VN30	906.55	0.21%
VN Mid	1017.95	0.34%
VN Small	843.7	-0.08%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.93	0.98%
HN30	200.08	1.02%
VNX AllSh	887.47	0.31%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.76	-0.30%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	516.39	
Bán	371.9	
GT rỗng	144.49	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	50.28	
Bán	11.43	
GT rỗng	38.84	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.02	
Bán	20.08	
GT rỗng	-3.05	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNI	750	6.98%
QCG	370	6.86%
DCL	1300	6.84%
AAA	1200	6.78%
FIT	200	6.01%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	700	5.15%
PVS	1100	4.91%
SHS	400	3.51%
SHB	200	2.67%
ACB	600	1.99%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
G36	700	10.61%
C4G	800	7.21%
BSR	300	2.31%
ACV	1700	2.07%
GEG	500	2.06%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-7000	-5.74%
TCH	-1100	-4.73%
SZL	-1700	-3.93%
BCG	-230	-3.54%
OGC	-170	-3.43%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGC	-1300	-3.13%
VGC	-600	-2.97%
VCS	-1300	-1.84%
VC3	-400	-1.72%
VCG	-300	-1.09%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-2200	-4.34%
VEF	-3100	-2.48%
GVR	-200	-1.63%
MSR	-200	-0.94%
VGI	-200	-0.80%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	367,356	
VHM	310,165	
VCB	252,575	
VNM	237,354	
GAS	198,668	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,664	
VCG	12,147	
VCS	11,101	
PVS	10,706	
PVI	9,152	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,588	
VEA	67,385	
MCH	60,050	
HVN	58,021	
VGI	56,073	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
AAA	9,597,180	2,939,458
ROS	7,536,110	6,451,990
ITA	5,839,140	6,473,563
PVD	5,698,410	2,878,004
VHG	4,845,100	2,126,225

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	8,099,629	3,482,618
SHB	2,865,009	7,464,160
VCG	2,497,880	1,820,451
ACB	2,316,599	2,756,572
NDN	2,245,390	657,348

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,630,849	1,954,476
C4G	1,591,014	628,449
TOP	1,217,710	639,190
GEG	906,398	632,599
THN	849,900	4

Nguồn: Bloomberg & YSVN

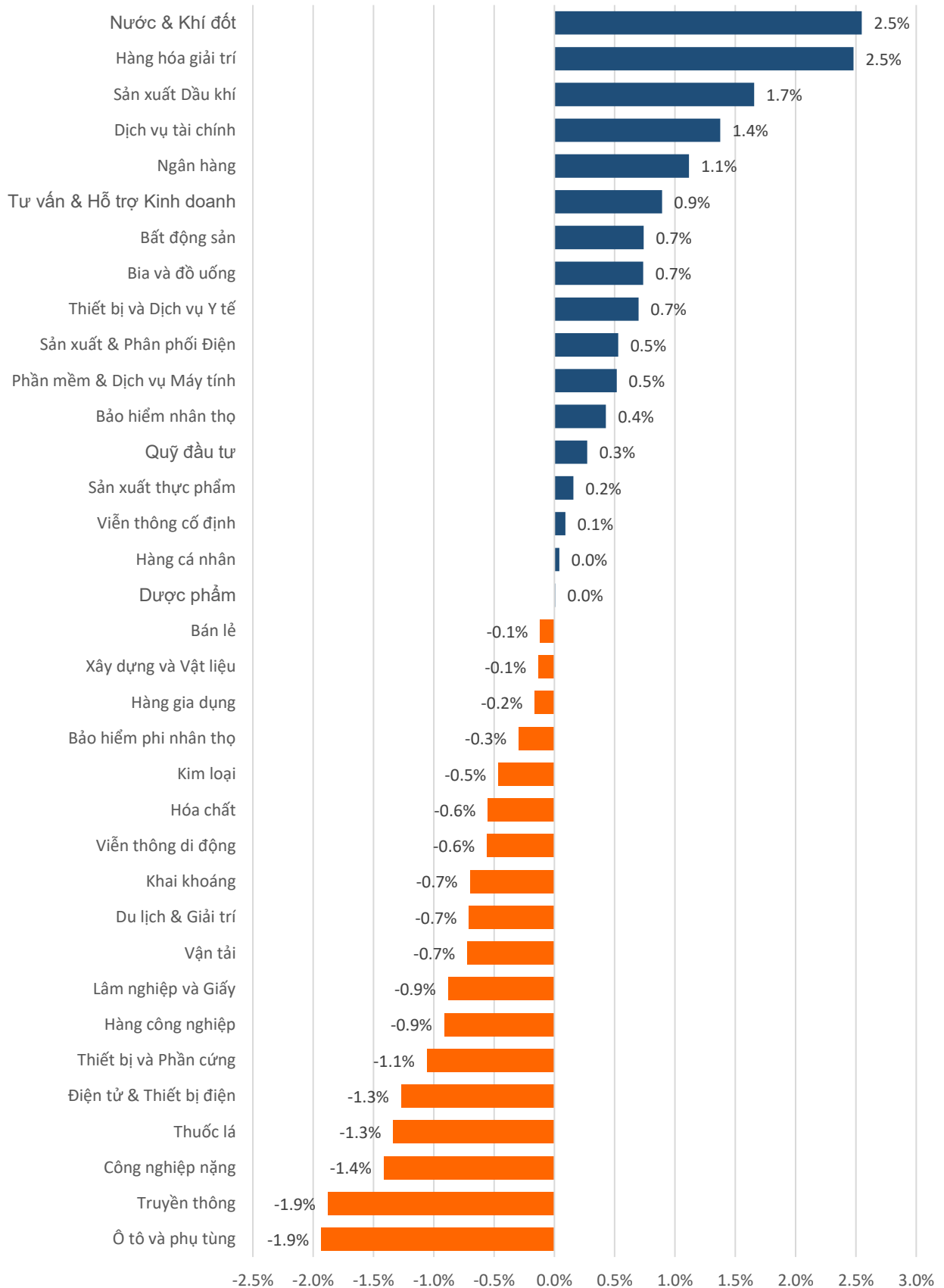
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



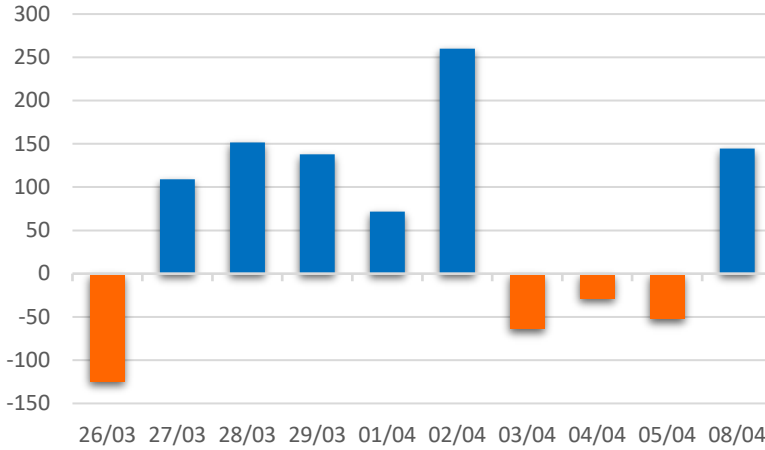
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

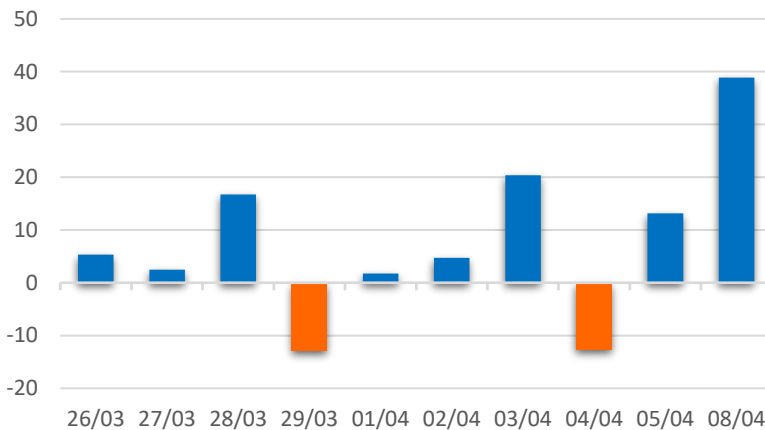
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	50,376	VJC	26,377
VCB	40,878	POW	9,478
PLX	21,141	PVT	8,819
VNM	19,337	YEG	8,253
PVD	18,751	HDB	7,656

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

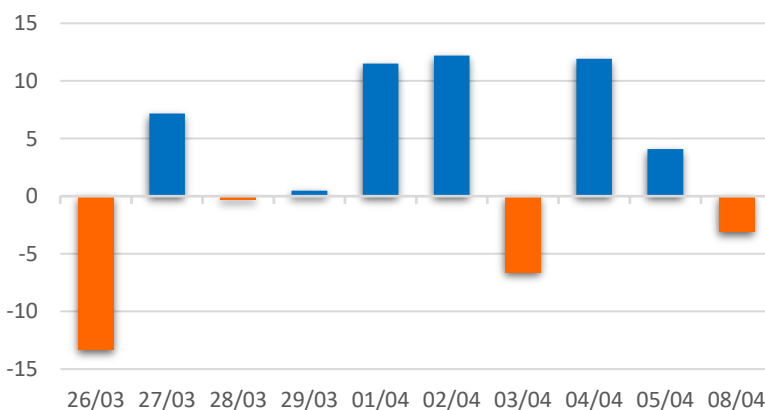
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	40,244	VCG	1,452
TIG	622	NDN	613
VCS	425	PVC	226
PPS	161	SHS	150
ART	106	BVS	149

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEG	2,475	ACV	3,625
MCH	1,072	MSR	2,142
VTP	762	VEA	1,506
BSR	702	HVN	505
VGG	507	QNS	388

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



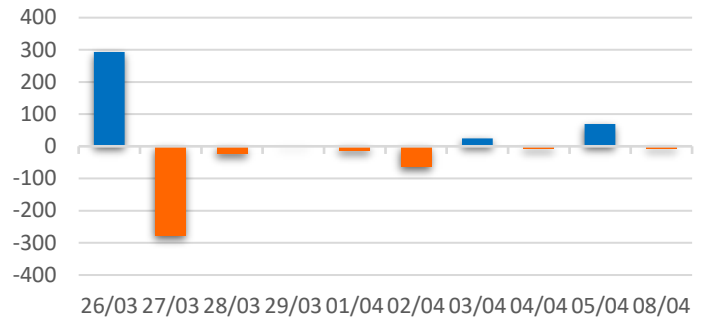
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

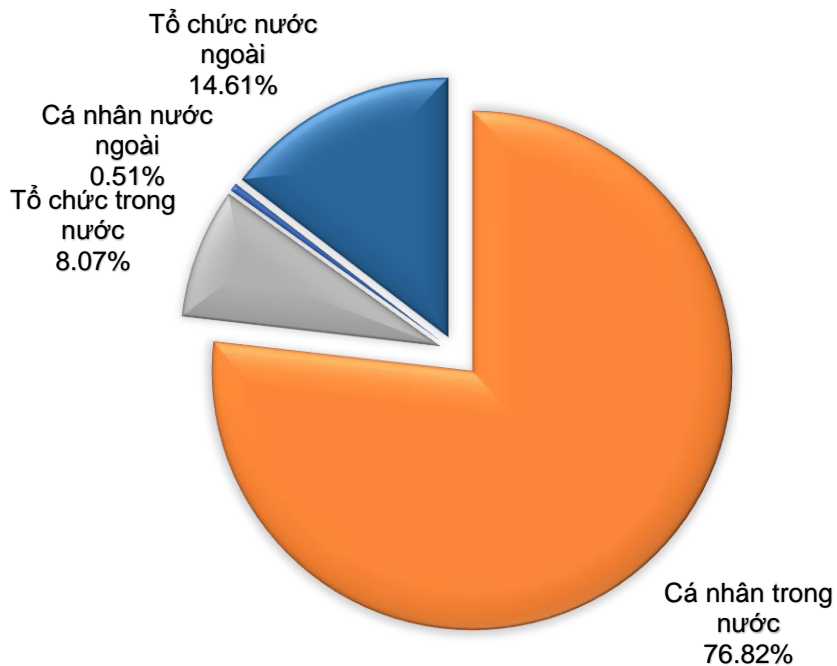
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	20,600	HBC	8,286
PLX	15,366	VHM	3,502
MWG	3,350	TDM	1,883
GAS	2,970	TPB	808
MBB	2,213	E1VFN30	348

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

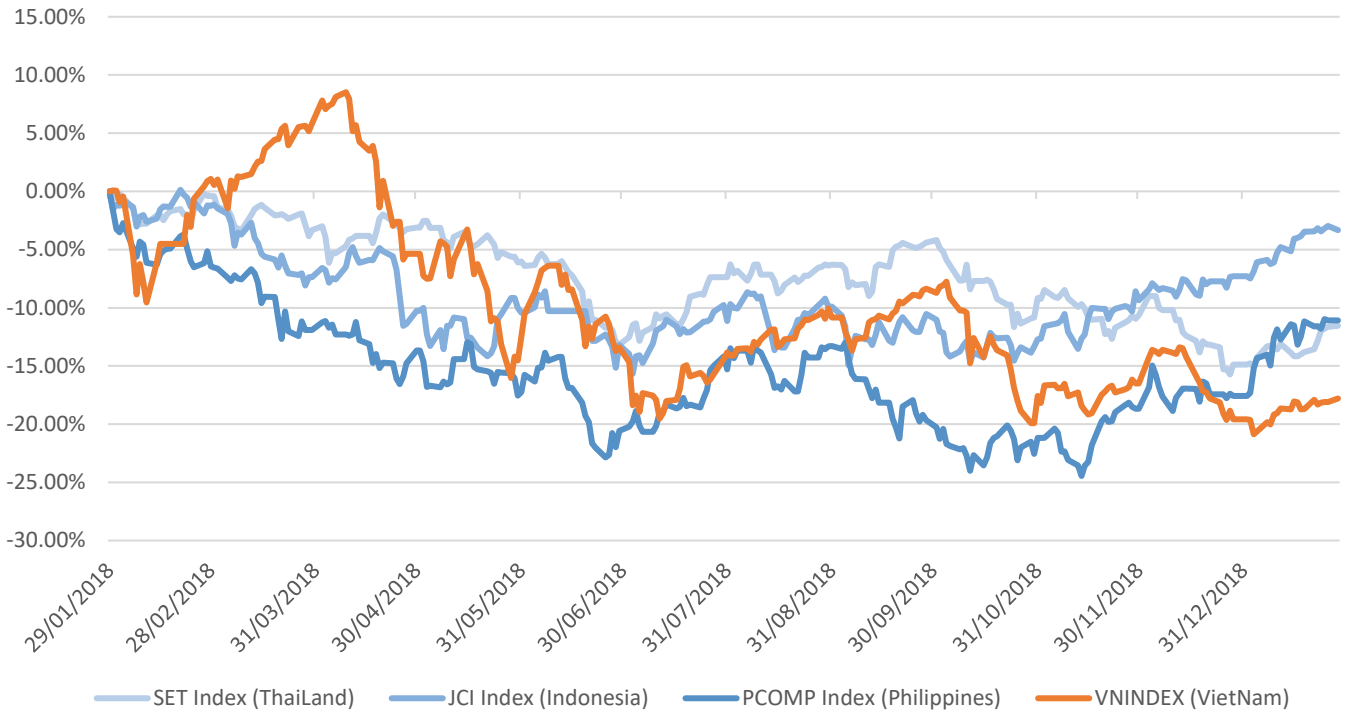


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

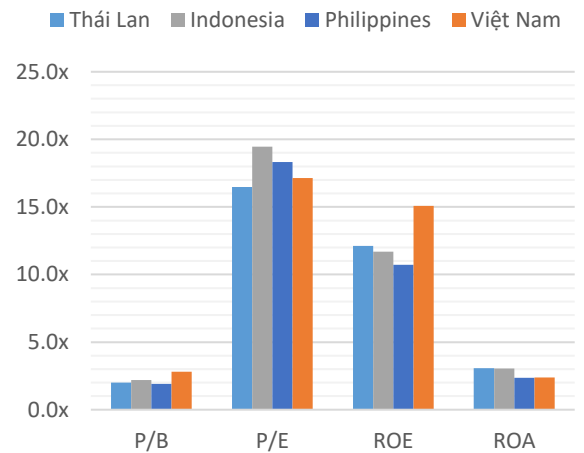
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written